

# Laodicea - Số hai

## *Chiếc sừng Tin Lành*

Jeff Pippenger

2023-08-27

Để hiểu sứ điệp đang được mở án trong sách Khải Huyền, điều cốt yếu là phải nhận biết nguồn gốc, tiến trình phát triển và ý nghĩa của cuộc Cải chánh Tin Lành. Trong lịch sử của cuộc Cải chánh ấy có ba tuyến chính liên quan đến: Kinh Thánh; phương pháp đúng đắn để nghiên cứu Kinh Thánh; và việc các sứ giả được chọn xuyên suốt lịch sử ấy chính là những cột mốc của lịch sử đó. Như thường lệ, Sa-tan đã tìm cách che giấu Bản Kinh Thánh King James bằng nhiều bản giả mạo; nó cũng tìm cách che giấu phương pháp đúng đắn để hiểu Kinh Thánh bằng nhiều phương pháp giả mạo; và còn tìm cách che giấu các sứ giả chân chính (những cột mốc) đã được đẩy lên dọc theo chặng đường trong lịch sử ấy.

"Nhưng Sa-tan không hề nhàn rỗi. Giờ đây hắn tìm cách làm điều mà hắn đã tìm cách làm trong mọi phong trào cải cách khác—lừa dối và hủy diệt dân chúng bằng cách đánh tráo cho họ một thứ giả mạo thay cho công cuộc chân thật. Cũng như đã có những kẻ mạo xưng Đấng Christ trong thế kỷ thứ nhất của Hội Thánh Cơ Đốc, thì cũng đã xuất hiện những tiên tri giả vào thế kỷ thứ mười sáu." Cuộc Đại Tranh Chiến, 186.

Trong lịch sử Millerite từ năm 1840 đến 1844, ngọn cờ Kháng Cách (là một trong hai sừng của con thú từ đất, tức là Hoa Kỳ) đã do Chủ nghĩa Cơ Đốc Phục Lâm Millerite đảm nhận; họ trở thành sừng Kháng Cách. Đồng thời, các hội thánh trước đó xưng là Kháng Cách trở nên Kháng Cách bội đạo, hay như những người Millerite gọi họ, "các con gái của La Mã." Khi những người Kháng Cách khước từ sứ điệp của thiên sứ thứ nhất vào năm 1843, họ sa ngã, và những người Millerite tiếp tục mang ngọn cờ Kháng Cách. Lịch sử Millerite là đỉnh điểm công việc của Đức Chúa Trời trong việc đưa "Hội thánh trong đồng vắng" của Ngài đến sự hiểu biết trọn vẹn về Lời Đức Chúa Trời.

Việc mở ra sự phán xét điều tra đã đem đến sự thử thách của luật pháp Đức Chúa Trời, đặc biệt là ngày Sa-bát. Để rao truyền sứ điệp của thiên sứ thứ ba, cần có một Hội thánh giữ vững luật pháp của Đức Chúa Trời, vốn đã bị chôn vùi dưới các truyền thống và tập tục giáo hoàng trong Thời Kỳ Tăm Tối. Đấng Christ đã dẫn dắt những người Kháng Cách đến giai đoạn lịch sử 1840–1844 và đưa ra bài thử của Ê-li, mà William Miller là người tiêu biểu; và khi những người Kháng Cách khước từ sứ điệp của Miller, họ quay trở lại Rô-ma. Bài thử của sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, như Miller đã rao truyền, đã được Ê-li trên núi Cạt-mên tiêu biểu.

Ê-li đến gần toàn dân và nói: Các ngươi còn lưỡng lự giữa hai ý kiến đến bao giờ? Nếu Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, hãy theo Ngài; còn nếu Baal, thì hãy theo nó. Nhưng dân chúng không đáp lại ông một lời. 1 Các Vua 18:21.

Năm 1840, khi đối diện với sứ điệp của Ê-li do Miller và thiên sứ thứ nhất đại diện, những người Tin Lành đã chọn Ba-anh!

Cuộc Cải chánh Tin Lành là sự mở niêm phong các lễ thật của Kinh Thánh, khởi đầu với "sao mai", điều đã được hứa sẽ ban trong giai đoạn lịch sử được đại diện bởi hội thánh Thyatira. Cuộc tấn công trực diện nhắm vào Kinh Thánh đã bắt đầu từ nhiều thế kỷ trước và được trình bày rõ ràng trong The Great Controversy, đặc biệt qua lịch sử của nhóm Waldensians. Năm 1930, Benjamin Wilkerson xuất bản cuốn sách Our Authorized Bible Vindicated. Cuốn sách ghi lại cuộc chiến chống lại các bản văn nguyên thủy thiêng liêng vốn rốt cuộc đã được dùng để dịch Kinh Thánh King James, và các bản văn giả mạo mang tính Sa-tan khác nhau đã và vẫn đang được cổ xúy bởi người Công giáo, chủ nghĩa Tin Lành bội đạo và những người Cơ Đốc Phục Lâm Laodicea. Cuộc chiến ấy bắt đầu từ lâu trước lịch sử của người Waldensians, nhưng họ là cột mốc và biểu tượng cho những người đã hiến dâng mạng sống để làm chứng cho tầm quan trọng của các bản thảo chính xác vốn rốt cuộc đã được dịch thành Kinh Thánh King James năm 1611.

Việc biên soạn bản Kinh Thánh King James năm 1611 đã trải qua một quy trình dịch thuật rất cụ thể. Quy trình dịch và xuất bản Kinh Thánh được hoàn tất qua bảy bước thực hiện. Cũng mất bảy năm để hoàn tất, và bảy năm theo Kinh Thánh là hai nghìn năm trăm hai mươi ngày. Điều đó dĩ nhiên cũng chính là số ngày tiên tri mà trong đó Đấng Christ đã xác nhận giao ước với nhiều người, ứng nghiệm Đa-ni-ên đoạn chín. Ở chính giữa tuần lễ thánh đó, Đấng Christ đã bị đóng đinh, và dĩ nhiên Đấng Christ chịu đóng đinh là trung tâm của Kinh Thánh. Bảy bước để tạo nên Lời Đức Chúa Trời tinh sạch ấy như sau.

- **ĐẦU TIÊN:** Bản dịch ban đầu do các cá nhân thực hiện: Khoảng 50 dịch giả được chia thành sáu ủy ban, mỗi ủy ban phụ trách các phần khác nhau của Kinh Thánh. Những người này dịch từ các ngôn ngữ nguyên bản (tiếng Do Thái, tiếng A-ram và tiếng Hy Lạp) sang tiếng Anh.
- **THỨ HAI:** Xem xét của ủy ban: Sau khi mỗi ủy ban hoàn tất bản dịch của một phần, công việc đã được chính các thành viên của ủy ban xem xét lại. Điều này cho phép có sự góp ý tập thể và sửa lỗi.
- **THỨ BA:** Rà soát của Ủy ban Chung: Các bản dịch của từng ủy ban sau đó được đệ trình lên một nhóm học giả lớn hơn, gọi là Ủy ban Chung. Ủy ban này bao gồm các đại diện từ mỗi trong sáu ủy ban dịch thuật. Họ xem xét toàn bộ công trình, đối chiếu và hài hòa các bản dịch khác nhau của các ủy ban.
- **Thứ tư:** Rà soát và sửa đổi bổ sung: Bản do Ủy ban chung sửa đổi được gửi lại cho từng ủy ban để tiếp tục xem xét và hoàn thiện. Quy trình lặp lại này giúp bảo đảm bản dịch nhất quán và chính xác.
- **THỨ NĂM:** Xem xét và phê duyệt cuối cùng: Sau khi từng ủy ban hoàn tất các sửa đổi của mình, bản dự thảo cuối cùng đã được trình lên Ủy ban Chung để xem xét và phê duyệt lần cuối.
- **THỨ SÁU:** Phê chuẩn của hoàng gia và xuất bản: Bản dịch đã được phê duyệt, sau đó được trình lên Vua James I để ngài chuẩn y.
- **THỨ BẢY:** Sau khi ông ban sự phê chuẩn hoàng gia, bản dịch đã được xuất bản vào năm 1611 với tên gọi King James Version (Authorized Version) của Kinh Thánh.

Lời của Chúa là lời trong sạch: như bạc được thử trong lò đất, tinh luyện bảy lần. Lạy Chúa, Ngài sẽ giữ gìn chúng; Ngài sẽ bảo tồn chúng khỏi thế hệ này đời đời. Thi Thiên 12:6-7.

Trong cuộc chiến của Sa-tan chống lại Lời Đức Chúa Trời, và chống lại những cột mốc được biểu trưng bởi các sự kiện khác nhau của tiến trình lịch sử đang dần mở ra ấy, cũng như bởi phương pháp đúng đắn cần dùng để giải nghĩa đúng Lời Ngài, thì Kinh Thánh King James năm 1611 là một cột mốc được xác định một cách cụ thể trong Thi Thiên 12. Không có bản Kinh Thánh giả mạo nào, được tạo ra từ các bản thảo Công giáo bị hư hoại, đáp ứng các tiêu chuẩn của Thi Thiên 12. Quá trình tinh luyện gồm bảy bước và giai đoạn hai nghìn năm trăm hai mươi ngày cho thấy rằng Kinh Thánh King James là "những lời thanh sạch" của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời hứa giữ gìn Kinh Thánh King James như Lời thanh sạch của Ngài đời đời, và vì thế Ngài cũng hứa duy trì phương pháp "lịch sử luận" đã được các nhà Cải Chánh Tin Lành áp dụng, bao gồm cả William Miller.

Vào thế kỷ XIV, John Wycliffe, người được gọi là “ngôi sao mai của cuộc Cải chánh” trong sách The Great Controversy, đã được Đức Chúa Trời dùng để dịch Kinh Thánh sang một ngôn ngữ mà ngay cả người bình dân cũng hiểu được. Ông là sứ giả đánh dấu cột mốc khởi đầu của cuộc Cải chánh Tin Lành.

Phong trào vĩ đại mà Wycliffe khởi xướng, nhằm giải phóng lương tâm và trí tuệ, và giải phóng các dân tộc đã từ lâu bị buộc chặt vào cỗ xe quái hoản của Rôma, bắt nguồn từ Kinh Thánh. Đây chính là nguồn của dòng phước lành ấy, như nước sự sống, đã chảy qua các thời đại kể từ thế kỷ mười bốn. Wycliffe tiếp nhận Kinh Thánh với đức tin tuyệt đối như sự mặc khải được Đức Thánh Linh soi dẫn về ý muốn của Đức Chúa Trời, một chuẩn mực đầy đủ cho đức tin và thực hành. Ông đã được giáo dục để xem Giáo hội Rôma là thẩm quyền thiêng liêng, vô ngộ, và để kính cẩn chấp nhận không chút thắc mắc các giáo lý và tập tục đã được xác lập suốt cả nghìn năm; nhưng ông quay khỏi tất cả những điều ấy để lắng nghe lời thánh của Đức Chúa Trời. Đây là thẩm quyền mà ông kêu gọi dân chúng thừa nhận. Thay vì Giáo hội phán qua giáo hoàng, ông tuyên bố rằng thẩm quyền chân thật duy nhất là tiếng của Đức Chúa Trời phán qua Lời Ngài. Và ông dạy rằng không chỉ Kinh Thánh là sự mặc khải trọn vẹn về ý muốn của Đức Chúa Trời, mà Đức Thánh Linh là Đấng giải nghĩa duy nhất của Kinh Thánh, và rằng mỗi người, qua việc nghiên cứu những lời dạy của Kinh Thánh, phải tự mình học biết bổn phận của mình. Như vậy, ông đã hướng tâm trí con người khỏi giáo hoàng và Giáo hội Rôma để hướng về Lời Đức Chúa Trời.

Wycliffe là một trong những nhà Cải chánh vĩ đại nhất. Về bề rộng trí tuệ, sự sáng sủa trong tư tưởng, sự kiên định trong việc giữ vững lẽ thật, và lòng can đảm để bảo vệ lẽ thật ấy, rất ít người đến sau ông có thể sánh kịp. Sự trong sạch trong đời sống, sự chuyên cần không mệt mỏi trong học tập và lao động, đức liêm chính không thể bị mua chuộc, và tình yêu thương cùng sự trung tín theo gương Đấng Christ trong chức vụ của ông là những đặc điểm nổi bật nơi người đi đầu của phong trào Cải chánh. Và điều ấy là bất chấp bóng tối trí tuệ và sự bại hoại đạo đức của thời đại mà ông bước ra.

Nhân cách của Wycliffe là một bằng chứng về quyền năng giáo dục và biến đổi của Kinh Thánh. Chính Kinh Thánh đã làm nên con người ông. Nỗ lực nắm bắt các chân lý vĩ đại của sự mặc khải đem lại sự tươi mới và sinh lực cho mọi năng lực. Nó mở rộng tâm trí, mài sắc nhận

thức, và làm cho sự phán đoán trở nên chín chắn. Việc nghiên cứu Kinh Thánh sẽ cao quý hóa mọi ý nghĩ, cảm xúc và khát vọng theo cách mà không một môn học nào khác có thể. Nó đem lại sự kiên định trong mục đích, lòng kiên nhẫn, can đảm và bền chí; nó trau dồi nhân cách và thánh hóa linh hồn. Một sự nghiên cứu Kinh Thánh nghiêm túc, cung kính, đưa tâm trí người học tiếp xúc trực tiếp với trí tuệ vô hạn, sẽ ban cho thế giới những con người có trí tuệ mạnh mẽ và năng động hơn, cũng như có những nguyên tắc cao thượng hơn, vượt trội hơn bất cứ điều gì từng là kết quả của sự đào luyện xuất sắc nhất mà triết học loài người cung cấp. "Sự bày tỏ lời Ngài," tác giả Thi Thiên nói, "ban ánh sáng; ban sự thông hiểu." Thi Thiên 119:130. The Great Controversy, 93, 94.

Tiếp theo lời chứng về John Wycliffe trong tác phẩm The Great Controversy, Bà White đưa ra một danh sách các nhà cải cách trung tín (các cột mốc) mà cuối cùng dẫn đến nhà cải cách John Knox. Bà chỉ ra một câu hỏi quan trọng mà Mary, Nữ hoàng Scotland, đã đặt ra cho John Knox.

John Knox đã quay lưng lại với các truyền thống và chủ nghĩa thần bí của giáo hội để nuôi dưỡng mình bằng các lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời, và sự dạy dỗ của Wishart đã củng cố quyết tâm của ông từ bỏ sự hiệp thông với Rôma và gia nhập hàng ngũ những nhà cải cách bị bách hại. . . .

"Khi bị đưa ra đối diện với Nữ hoàng Scotland, trước mặt bà, lòng nhiệt thành của không ít lãnh tụ Tin Lành đã suy giảm, John Knox vẫn kiên định làm chứng cho lẽ thật. Ông không để những lời ve vuốt mua chuộc; cũng không nao núng trước những lời đe dọa. Nữ hoàng buộc tội ông là dị giáo. Bà tuyên bố rằng ông đã dạy dân tiếp nhận một tôn giáo bị Nhà nước cấm, và như thế đã vi phạm mệnh lệnh của Đức Chúa Trời truyền cho thần dân phải vâng phục các quân vương của họ. Knox đáp dứt khoát: 'Vì đạo chân chính không nhận cả nguồn gốc lẫn thẩm quyền từ các quân vương, mà chỉ từ một mình Đức Chúa Trời hằng hữu, nên thần dân không buộc phải định hình tôn giáo của mình theo thị hiếu của các quân vương. Bởi lẽ thường khi chính các quân vương, hơn hết thầy mọi người, lại là những kẻ dốt nát nhất về tôn giáo chân thật của Đức Chúa Trời. Nếu toàn thể dòng dõi Abraham đã theo tôn giáo của Pharaoh, người mà họ đã làm thần dân của ông ta suốt một thời gian dài, tôi xin hỏi, thưa bà, trên thế gian này còn có tôn giáo nào chẳng? Và nếu mọi người trong thời các sứ đồ đều theo tôn giáo của các hoàng đế La Mã, tôi xin hỏi, thưa bà, bây giờ trên mặt đất này còn có tôn giáo nào chẳng? ... Vậy nên, thưa bà, bà có thể thấy rằng thần dân không bị buộc phải theo tôn giáo của các quân vương của mình, dầu họ được truyền phải tỏ lòng kính trọng các vị ấy.'"

Mary nói: "Ông giải thích Kinh Thánh theo một cách, còn họ [các thầy dạy của Giáo hội La Mã] lại giải thích theo cách khác; tôi phải tin ai, và ai sẽ phân xử?"

"Các người phải tin Đức Chúa Trời, Đáng phán cách rõ ràng trong Lời của Ngài,' nhà cải cách đáp; 'và ngoài những gì Lời dạy dỗ các người, thì đừng tin bên nào cả. Lời của Đức Chúa Trời tự nó là rõ ràng, và nếu ở chỗ nào có sự tối nghĩa, thì Đức Thánh Linh, Đáng chẳng bao giờ trái nghịch với chính Ngài, giải thích điều ấy rõ ràng hơn ở những chỗ khác, đến nỗi không thể còn sự nghi ngờ nào, ngoại trừ nơi những kẻ ngoan cố dốt nát.' Đó là những lẽ thật mà nhà cải cách không biết sợ, dù nguy đến tính mạng, đã nói thẳng vào tai bậc vương giả. Với cùng lòng can đảm không nao núng ấy, ông giữ vững mục đích của mình, vừa cầu nguyện vừa chiến đấu cho những trận chiến của Chúa, cho đến khi Scotland được giải phóng khỏi chủ

nghĩa Giáo hoàng." Đại Tranh Chiến, 250, 251.

Cuộc trao đổi giữa nhà cải cách và Nữ hoàng làm nổi bật mạch thứ ba trong lịch sử Cải chánh, mạch này nhận diện nỗ lực của Sa-tan nhằm giả mạo Kinh Thánh, các nhà cải cách và phương pháp nghiên cứu Kinh Thánh. John trả lời Nữ hoàng rằng phương pháp đúng đắn là "historicism", dựa trên tiền đề rằng một dòng lịch sử tiên tri được Đức Thánh Linh giải thích bằng một dòng lịch sử tiên tri khác.

Ánh sáng đã được mở ra giữa bóng tối. Wycliffe và các nhà cải chánh buổi đầu, suốt cho đến thời kỳ phong trào Miller, đã sử dụng một phương pháp nghiên cứu Kinh Thánh gọi là "chủ nghĩa lịch sử." Lịch sử của phương pháp nghiên cứu Kinh Thánh này thường bị bỏ qua, nhưng việc nhận thức về nó là điều thiết yếu nếu muốn thật sự thấy được tầm quan trọng của các quy tắc giải nghĩa lời tiên tri do Miller chấp nhận và về sau được Future for America tiếp nhận.

Chỉ có hai Hội Thánh mà Bà White xác định là dân được Đức Chúa Trời định danh. Đó là Y-sơ-ra-ên cổ đại và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy.

"Những lý do vì sao chúng ta được gọi là dân của Đức Chúa Trời cần phải được nhắc đi nhắc lại. Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:1-13" Bản Thảo Phát Hành, quyển 8, 426.

Hội thánh của các sứ đồ, hội thánh trong đồng vắng trong thời kỳ tăm tối của giáo hoàng, chưa bao giờ được gọi là dân được định danh của Đức Chúa Trời, vì thuật ngữ đó (nghĩa là được đặt tên) chỉ một hội thánh được giao trách nhiệm làm những người gìn giữ luật pháp của Đức Chúa Trời; và với phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, họ cũng được giao phó việc gìn giữ các lẽ thật tiên tri của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã kêu gọi Hội Thánh của Ngài trong thời nay, như Ngài đã kêu gọi Y-sơ-ra-ên xưa, để đứng làm ánh sáng trên đất. Bằng chiếc dao phay quyền năng của lẽ thật, tức là các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, thứ hai và thứ ba, Ngài đã tách họ khỏi các giáo hội và khỏi thế gian để đưa họ vào sự gần gũi thánh khiết với chính Ngài. Ngài đã khiến họ trở thành những người giữ luật pháp của Ngài và đã giao phó cho họ những lẽ thật vĩ đại của lời tiên tri cho thời kỳ này. Cũng như những thánh ngôn đã được giao phó cho Y-sơ-ra-ên xưa, những điều ấy là một sự ủy thác thánh để được truyền đạt cho thế gian. Ba thiên sứ trong Khải Huyền 14 đại diện cho những người chấp nhận ánh sáng của các sứ điệp của Đức Chúa Trời và ra đi như các đại diện của Ngài để cất tiếng cảnh báo khắp bờ cõi trái đất. Lời Chứng, tập 5, 455.

William Miller là sứ giả được chọn để mở ra các lẽ thật tiên tri của Đức Chúa Trời, và khi những lẽ thật ấy dẫn một dân sự đến cánh cửa mở vào Nơi Chí Thánh vào năm 1844, thì Đức Chúa Trời đã mở ra luật pháp của Ngài. Wycliffe là một cột mốc trong việc mở ra Kinh Thánh và khởi đầu cuộc Cải chánh Tin Lành, nhưng ông cũng là một cột mốc về công việc của Đức Chúa Trời nhằm thiết lập "những lẽ thật lớn của lời tiên tri." John Wycliffe là Sao Mai được xác định trong lịch sử thời kỳ 1.260 năm cai trị của giáo hoàng. Công việc của ông bắt đầu vào thế kỷ mười bốn, rồi đến thế kỷ mười bảy, một cột mốc khác của dòng tiên tri đó là sự ra đời của bản Kinh Thánh King James năm 1611. Trên dòng đó, cuối cùng chúng ta đạt tới cột mốc là các quy tắc giải nghĩa lời tiên tri của Miller. Miller là một cột mốc trong dòng lẽ thật đó, và các quy tắc của ông cũng vậy. Các quy tắc của ông làm chứng cho một cột mốc vào giai đoạn cuối của phong trào Phục Lâm, được đại

diện bởi việc xuất bản Prophetic Keys.

Nếu chúng ta không hiểu rằng những quy tắc của Miller là một cột mốc trong dòng lịch sử tiên tri, đại diện cho công cuộc bảo tồn các bản văn Kinh Thánh nguyên bản và chính xác, đồng thời cho công cuộc khai mở sự hiểu biết chân thật về Kinh Thánh, điều này đòi hỏi các nhà cải chánh được dẫn dắt để hiểu và áp dụng phương pháp nghiên cứu thiêng liêng gọi là "chủ nghĩa lịch sử", thì chúng ta sẽ thiếu những thông tin cần thiết để nhận ra các lẽ thật tiên tri liên quan đến công tác trình bày và gìn giữ ánh sáng của thiên sứ thứ ba vào thời kỳ cuối cùng của phong trào Phục Lâm. Vì vậy, điều quan trọng là cần điếm qua ngắn gọn dòng lịch sử ấy.

Định nghĩa chân chính duy nhất của từ "Kháng Cách" là phản đối Rôma. Nếu một hội thánh thôi không phản đối Rôma nữa, thì nó không còn là Kháng Cách và rồi trở thành con gái của Rôma, như những người Kháng Cách đã khước từ sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Quan niệm chủ đạo trở thành "châm ngôn" của những người Kháng Cách bước ra khỏi Giáo hội Công giáo là "Kinh Thánh và chỉ Kinh Thánh." Tuy nhiên, lịch sử chứng thực rằng Kinh Thánh cần được giải nghĩa cho đúng.

Hãy chuyên tâm để cho thấy mình được chấp thuận trước mặt Đức Chúa Trời, như người làm công không phải hổ thẹn, trình bày đúng đắn lời của lẽ thật. Nhưng hãy tránh những lời nói phạm tục và vô ích, vì chúng sẽ càng làm gia tăng sự vô đạo. 2 Ti-mô-thê 2:15-16.

Phương pháp nghiên cứu Kinh Thánh mà những người Tin Lành được dẫn dắt để sử dụng trong nỗ lực phân giải đúng đắn lời của lẽ thật là "lối giải nghĩa lịch sử." Phương pháp ấy đã trở thành một mục tiêu cụ thể và nghiêm trọng cho Sa-tan tấn công, và quả thật hắn đã tấn công.

"Chúng ta cần tự mình biết điều gì tạo nên Cơ Đốc giáo, đâu là lẽ thật, đức tin mà chúng ta đã tiếp nhận là gì, các luật lệ của Kinh Thánh là gì—những luật lệ được ban cho chúng ta từ thẩm quyền tối cao." The 1888 Materials, 403.

Sự làm suy yếu phương pháp luận Kinh Thánh mà các nhà Cải chánh sử dụng, kéo dài cho đến và bao gồm cả William Miller, được xác định cụ thể là bắt đầu từ thế kỷ mười lăm với một học giả Dòng Tên tên là Francisco Ribera (1537-1591), người được ghi nhận là đã phổ biến lối giải thích theo trường phái tương lai luận. Ông đã viết một bản chú giải về sách Khải Huyền, đề xuất cách giải thích theo hướng tương lai cho các lời tiên tri, tách chúng khỏi bối cảnh lịch sử. Ribera đã sáng chế ra phương pháp luận này nhằm chống lại lẽ thật mà phương pháp luận lịch sử luôn dẫn đến. Lẽ thật ấy là giáo hoàng La Mã chính là kẻ Phản Kitô trong lời tiên tri Kinh Thánh.

Trong các thế kỷ XVII và XVIII, có tài liệu ghi nhận rằng phong trào Tin Lành biết phương pháp sai lầm của Ribera là mang tính Sa-tan và vô căn cứ. Những người Tin Lành trong lịch sử ấy đã viết sách và các tập luận phản đối những "lời nói phạm tục và phù phiếm" của vị học giả Dòng Tên. Nhưng đến năm 1909, "con ngựa thành Troy" là Kinh Thánh Tham Chiếu Scofield đã được xuất bản, và các tham khảo được chèn vào phần chú thích chân trang của Kinh Thánh dựa trên các giáo huấn của Ribera và một tu sĩ Dòng Tên khác tên Manuel Lacunza (1731-1801). Lacunza viết dưới bút danh Juan Josafat Ben-Ezra và xuất bản một cuốn sách nhan đề "Sự đến của Đấng Mê-si trong vinh quang và uy nghi". Cũng như Ribera trước ông, cuốn sách ấy là một cuộc tấn công trực

tiếp vào sự ứng nghiệm của các lời tiên tri trong sách Khải Huyền.

Sa-tan biết rằng sứ điệp hấn cần làm rối mù là sứ điệp cảnh báo cuối cùng đến từ sách Khải Huyền. Việc đưa những lời lẽ phàm tục và huyền thuyên vô ích của hai linh mục Dòng Tên vào các chú giải trong Kinh Thánh Tham Khảo Scofield đã cho phép Sa-tan dẫn dắt những người Tin Lành bội đạo chấp nhận các phương pháp của Dòng Tên, qua đó làm họ mù lòa trước lẽ thật. Sa-tan đã đạt được điều đó bằng cách đưa vào một số mô hình tiên tri Công giáo, vốn loại bỏ khả năng xác định rõ ràng kẻ Phản Kitô theo lời tiên tri Kinh Thánh là ai. Đó không phải là một sự lừa dối khó khăn đối với Sa-tan, vì những người Tin Lành đã quay trở lại Giáo hội La Mã khi họ bác bỏ sứ điệp của Miller vào năm 1843.

Qua nhiều năm, đã có một số sách và bài viết được xuất bản ghi lại sự tấn công của Sa-tan nhắm vào Kinh Thánh, bắt đầu từ vài thế kỷ đầu sau khi Đấng Christ chịu đóng đinh. Cuộc tấn công đó đã đạt đến mức các bản thảo giả mạo được đưa ra để tạo ra những bản Kinh Thánh giả mạo. Sa-tan cũng tấn công các nhà cải chánh được đẩy lên để bênh vực Lời Đức Chúa Trời, khi họ còn sống và thậm chí cả sau khi những nhà cải chánh ấy qua đời.

Hãy thử nghĩ xem các sử gia và thần học gia Cơ Đốc Phục Lâm hiện đại bàn về nhân vật William Miller như thế nào. Cứ như thể họ đã đào xương cốt của ông lên rồi ném xuống sông Mississippi.

William Miller đã khuấy động vương quốc của Sa-tan, và kẻ thù không đội trời chung không chỉ tìm cách làm mất tác dụng của sứ điệp mà còn muốn tiêu diệt chính sứ giả. Khi Cha Miller áp dụng thực tiễn lẽ thật Kinh Thánh vào lòng người nghe, con thịnh nộ của những người tự xưng là Cơ Đốc nhân bùng lên chống lại ông, giống như con giận của người Do Thái đã đẩy lên chống lại Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài. Các tín hữu trong Hội Thánh đã xúi giục những thành phần thấp kém, và trong nhiều dịp, kẻ thù đã mưu toan đoạt mạng ông khi ông rời nơi nhóm họp. Nhưng các thiên sứ thánh cũng ở trong đám đông, và một vị trong số đó, trong hình dạng một người nam, đã nắm lấy cánh tay của tôi tớ Chúa này và dẫn ông bình an thoát khỏi đám đông giận dữ. Công việc của ông chưa kết thúc, và Sa-tan cùng các tay sai của nó đã thất vọng trong ý đồ của chúng. Tinh thần Tiên tri, tập 4, trang 219.

Hãy xem chính hai giới trong phong trào Cơ Đốc Phục Lâm (các nhà thần học và các sử gia) đã xem nhẹ và che đậy tính đúng đắn của các quy tắc của Miller như thế nào, những quy tắc mà, theo lời Bà White, sẽ được tất cả những ai thực sự rao giảng ba sứ điệp của ba thiên sứ sử dụng.

Những người đang dấn thân rao truyền sứ điệp của thiên sứ thứ ba đang khảo cứu Kinh Thánh theo cùng một phương pháp mà Cụ Miller đã áp dụng. Trong quyển sách nhỏ nhan đề "Những Quan Điểm về Các Lời Tiên Tri và Niên Đại Tiên Tri," Cụ Miller nêu ra những quy tắc sau đây, đơn giản nhưng sáng suốt và quan trọng, cho việc nghiên cứu và giải nghĩa Kinh Thánh:-

[Các quy tắc từ 1 đến 5 được trích dẫn.]

"Những điều nêu trên là một phần của các quy tắc này; và trong việc nghiên cứu Kinh Thánh, tất cả chúng ta đều nên lưu tâm đến các nguyên tắc đã được trình bày." Review and Herald, ngày 25 tháng 11 năm 1884.

Nếu không xem xét ba mạch của dòng lịch sử tiên tri gắn với sự phát triển và thiết lập Lời Đức Chúa Trời, thì không thể thấy được ý nghĩa của một lời chứng quan trọng nhằm khẳng định William Miller là sứ giả—được Ê-li làm hình bóng trong việc trình bày sứ điệp, như Môi-se trong lời hứa rằng Miller sẽ được sống lại trong sự phục sinh của người công chính, và như Ê-li-sê trong sự sẵn lòng rời bỏ nông trại của mình để phục vụ sứ điệp Ê-li. Bà White xác định cả ba vị anh hùng Kinh Thánh đều tiêu biểu cho William Miller, người mà ngày nay bị các nhà thần học và sứ gia Cơ Đốc Phục Lâm hiện đại coi như chỉ là một “anh chàng nông dân nghèo” của thế kỷ mười tám.

William Tyndale là một trong nhiều nhà cải cách được đẩy lên trong dòng lịch sử tiên tri này. Nếu được nói như vậy, ‘tuyên bố sứ mệnh’ của ông khi đối đáp với các đại diện của giáo hoàng là: "Tôi sẽ khiến cho cậu bé cày ruộng biết Kinh Thánh nhiều hơn các ông." William Miller là cậu bé nhà nông, người đã cầm cày và ứng nghiệm lời tiên tri của Tyndale.

Phản dẫn nhập này đã được đơn giản hóa rất nhiều xét về toàn bộ lịch sử có thể được viện dẫn để ủng hộ những gì chúng tôi đã trình bày cho đến nay. Giờ đây, chúng ta sẽ xem xét một số dấu ấn của Alpha và Ômêga để đưa chúng ta trở lại với việc xem xét Miller như một cột mốc chỉ đường và một sứ giả.

Sách Đa-ni-ên là phần mở đầu của một bộ sách gồm hai quyển. Phần kết của bộ sách đó là Sách Khải Huyền. Tuy chúng là hai quyển riêng biệt, nhưng hợp lại chúng tạo thành một bộ sách.

Nhiều năm trước, tôi đã có một cuộc trao đổi công khai với một thần học gia Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy nổi tiếng, người làm việc tại Viện Nghiên Cứu Kinh Thánh của Tổng Hội Giáo Hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy. Vị thần học gia ấy tìm cách điều chỉnh sự hiểu biết của tôi về sáu câu cuối của Đa-ni-ên đoạn mười một, và cả sự hiểu biết của tôi về “hằng ngày” trong sách Đa-ni-ên. Cuộc trao đổi diễn ra trong một khoảng thời gian, vì nó gồm việc ông viết một bài mà tôi phản hồi, rồi ông lại hồi đáp, và dĩ nhiên tôi lại gửi tiếp ý kiến, cứ thế tiếp diễn. Trong quá trình đó, ông cho tôi biết rằng trong ủy ban nơi ông làm việc tại Tổng Hội, ông được xem là chuyên gia về sách Đa-ni-ên, và một đồng nghiệp của ông được coi là chuyên gia thường trực về sách Khải Huyền. Trong các trao đổi, ông không muốn đề cập đến những điểm trong sách Khải Huyền mà muốn chuyển chúng cho đồng nghiệp của mình. Ông muốn giữ cuộc thảo luận chỉ trong phạm vi sách Đa-ni-ên.

Bà White khẳng định rõ ràng rằng Đa-ni-ên và Khải Huyền là một quyển sách. Trong ý nghĩa đó, chúng đại diện cho Kinh Thánh, vốn là một quyển sách gồm hai phần: Cựu Ước và Tân Ước. Bà White cũng nhận xét về Hội thánh Do Thái, rằng họ chỉ xem phần cũ là quyển sách duy nhất; và bà cũng nhận xét về những người xem thường phần cũ vì họ chỉ hiểu, hoặc chỉ sẵn lòng hiểu, phần mới. Lời chứng được soi dẫn của bà là: nếu chỉ chấp nhận phần mới thì tức là từ chối phần cũ, và ngược lại. Việc một nhà thần học tự nhận mình là chuyên gia về Đa-ni-ên nhưng không về Khải Huyền là lặp lại quan niệm của người Do Thái là chỉ chấp nhận Cựu Ước, và chúng ta biết quan điểm hẹp hòi đó đã dẫn người Do Thái đến đâu. Đứng về một phía nào trong vấn đề này—chấp nhận phần cũ mà không chấp nhận phần mới, hoặc chấp nhận phần mới mà không chấp nhận phần cũ—là phủ nhận toàn bộ lời chứng.

Đấng Cứu Thế hỏi các môn đồ xem họ có hiểu những điều ấy không. Họ thưa: “Phải, lạy Chúa.” Ngài lại phán với họ: “Vậy nên, mọi thầy thông giáo được dạy dỗ về Nước Trời đều giống như một gia chủ, lấy từ kho tàng mình ra những vật mới và cũ.” Trong ẩn dụ này, Chúa Giê-su trình bày trước các môn đồ trách nhiệm của những người có công việc là trao cho thế gian ánh sáng mà họ đã nhận từ Ngài. Thời bấy giờ, toàn bộ Kinh Thánh hiện có chỉ là Cựu Ước; nhưng nó không chỉ được viết cho người xưa; nó dành cho mọi thời đại và mọi người. Chúa Giê-su muốn những người dạy giáo huấn của Ngài siêng năng tra xét Cựu Ước để tìm ánh sáng xác nhận Ngài là Đấng Mê-si-a đã được các lời tiên tri báo trước, và tỏ bày bản chất sứ mạng của Ngài đối với thế gian. Cựu Ước và Tân Ước không thể tách rời, vì cả hai đều là lời dạy của Đấng Christ. Giáo lý của người Do Thái, những người chỉ chấp nhận Cựu Ước, thì không đưa đến sự cứu rỗi, vì họ khước từ Đấng Cứu Thế, Đấng mà đời sống và chức vụ của Ngài là sự ứng nghiệm của luật pháp và các lời tiên tri. Và giáo lý của những ai loại bỏ Cựu Ước cũng không đem đến sự cứu rỗi, vì nó khước từ điều vốn là lời chứng trực tiếp về Đấng Christ. Những kẻ hoài nghi khởi đầu bằng việc hạ thấp giá trị Cựu Ước, và chỉ cần thêm một bước nữa là phủ nhận tính hiệu lực của Tân Ước, và như thế cả hai đều bị bác bỏ.

Người Do Thái có ít ảnh hưởng đối với thế giới Cơ Đốc trong việc cho họ thấy tầm quan trọng của các điều răn, bao gồm cả luật ngày Sa-bát có tính ràng buộc, vì khi đưa ra những kho tàng lẽ thật cũ, họ gạt bỏ những điều mới mẻ trong các lời dạy cá nhân của Chúa Giê-su. Mặt khác, lý do mạnh mẽ nhất khiến các Cơ Đốc nhân không thể tác động đến người Do Thái để họ chấp nhận các lời dạy của Đấng Christ như ngôn ngữ của sự khôn ngoan thiêng liêng, là vì, khi đưa ra các kho tàng từ lời của Ngài, họ khinh thường những của báu của Cựu Ước, vốn là những lời dạy sớm hơn của Con Đức Chúa Trời, qua Môi-se. Họ khước từ luật pháp được công bố từ Si-na-i, và ngày Sa-bát của điều răn thứ tư, được thiết lập trong vườn Ê-đen. Nhưng người truyền giảng Phúc Âm, người theo các lời dạy của Đấng Christ, sẽ đạt được sự hiểu biết tường tận về cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, để có thể trình bày chúng trong ánh sáng chân thật của chúng trước dân chúng như một tổng thể không thể tách rời—bên này nương vào và soi sáng cho bên kia. Vì thế, như Chúa Giê-su đã dạy các môn đồ, họ sẽ lấy ra từ kho tàng của mình “những điều mới và cũ.” Tinh thần Tiên tri, tập 2, trang 255.

Lời khuyên trước đó còn có một sự áp dụng khác cho những người Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê. Tuyên xưng rằng mình tin Kinh Thánh trọn vẹn, cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, nhưng lại khước từ Thần Linh của Lời Tiên Tri, cũng là rơi vào cùng một cái hố của việc chỉ chấp nhận một lời chứng. Phải có hai nhân chứng mới xác lập được lẽ thật, nên không thể xác lập lẽ thật chỉ với một nhân chứng; và nếu ai cố làm như vậy thì họ đang khước từ cả hai nhân chứng, đặt đức tin của mình trên những điều được gọi là “nửa sự thật.”

Bây giờ tôi sẽ nhắc lại một câu hỏi đã có trong một trong những bài viết đầu tiên được đăng kể từ tháng 7 năm 2023. Câu hỏi là: "Kể từ năm 1863, đã có ánh sáng mới nào xuất phát từ Cơ Đốc Phục Lâm không?" Câu trả lời rất đơn giản: "Không có."

"Các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền là một. Một bên là lời tiên tri, bên kia là sự khai thị; một là sách đã niêm phong, bên kia là sách đã mở ra. Giảng đã nghe những điều mâu nhiệm mà các tiếng sấm phán ra, nhưng ông được truyền không chép lại chúng." Chú Giải Kinh Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy, tập 7, trang 971.

Vì vậy, Anpha và Ômêga cho thấy rằng Đa-ni-ên là đầu tiên và Khải Huyền là sau cùng. Đa-ni-ên đại diện cho sự khởi đầu và Khải Huyền đại diện cho sự kết thúc của phái Cơ Đốc Phục Lâm.

"Khải Huyền là một quyển sách được niêm phong, nhưng cũng là một quyển sách mở. Nó ghi lại những sự kiện kỳ diệu sẽ diễn ra trong những ngày cuối cùng của lịch sử trái đất này. Những giáo huấn của quyển sách này là rõ ràng, chứ không huyền bí và khó hiểu. Trong đó, cùng một dòng tiên tri được tiếp nối như trong sách Đa-ni-ên. Một số lời tiên tri Đức Chúa Trời đã lặp lại, qua đó cho thấy rằng chúng cần được coi trọng. Chúa không lặp lại những điều không mấy hệ trọng." Manuscript Releases, tập 9, 8.

Vào buổi đầu của Cơ Đốc Phục Lâm, trong chính những câu Kinh Thánh là trụ cột trung tâm của Cơ Đốc Phục Lâm, những câu đã được mở ấn vào năm 1798, Chúa Giê-su xưng danh Ngài là "Palmoni", Đấng định số diệu kỳ. Vào thời cuối của Cơ Đốc Phục Lâm, Chúa Giê-su xưng mình là "Alpha và Omega", bậc thầy ngôn ngữ diệu kỳ—Ngôi Lời của Đức Chúa Trời. Vì lý do này, buổi đầu của Cơ Đốc Phục Lâm và sứ điệp của thiên sứ thứ nhất đã được "treo trên thời gian". Ở thời cuối của Cơ Đốc Phục Lâm, sứ điệp của thiên sứ thứ ba sẽ được "treo" trên Lời của Ngài.

Khởi đầu và kết thúc của phong trào Phục Lâm diễn ra trong lịch sử của vương quốc thứ sáu theo lời tiên tri Kinh Thánh; vì thế, chúng diễn ra vào thời kỳ khởi đầu và kết thúc của Hoa Kỳ. Lịch sử tiên tri của Hoa Kỳ là lịch sử của hai sừng: chủ nghĩa cộng hòa và Tin Lành. Đến hồi kết của lịch sử ấy, hai sừng đó sẽ biến đổi từ chiên con thành rồng. Chủ nghĩa cộng hòa sẽ chuyển thành dân chủ, và Tin Lành sẽ chuyển thành Tin Lành bội đạo. Khi chén của thời kỳ ân điển dành cho Hoa Kỳ bắt đầu đến hồi cạn, như đang diễn ra ngay bây giờ, hai sừng của chủ nghĩa cộng hòa bội đạo và Tin Lành bội đạo sẽ dựng nên một ảnh tượng của con thú, qua đó hợp nhất giáo hội và nhà nước thành một sừng duy nhất nói như rồng. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ không thiếu một nhân chứng, vì trong tiến trình đưa Hoa Kỳ đến hồi kết, Ngài sẽ đẩy lên chiếc sừng chân chính của Tin Lành để phản kháng cả ảnh tượng của con thú tại Hoa Kỳ, rồi sau đó ảnh tượng của con thú đối đầu với cả thế giới. Việc đẩy lên chiếc sừng Tin Lành vào lúc kết thúc của Hoa Kỳ sẽ được thực hiện trong cùng một khuôn khổ lịch sử như khi chiếc sừng Tin Lành được đẩy lên vào lúc khởi đầu của Hoa Kỳ. Một dân giao ước trước kia sẽ bị bỏ qua, và một dân mới sẽ trở thành dân giao ước mới. Chẳng có gì mới dưới mặt trời.

Khi chúng ta sử dụng các lời tiên tri về thời gian, được hiểu và trình bày trong lịch sử Millerite, để đánh giá Alpha và Omega, chúng ta thấy rằng chúng là một và cùng một. Mỗi lời tiên tri về thời gian đều bắt đầu với một bối cảnh lịch sử khi lời tiên tri được công bố, và bối cảnh đó luôn là kiểu mẫu cho lịch sử khi lời tiên tri được ứng nghiệm.

Lịch sử của lời tiên tri 2.300 năm bắt đầu với sắc lệnh thứ ba vào năm 457 TCN và kết thúc với sứ điệp của thiên sứ thứ ba vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Trong giai đoạn dẫn đến, nhưng trước khi sắc lệnh thứ ba đến, công việc xây dựng đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem đã được hoàn tất. Tương tự, trong phần lịch sử dẫn đến sự xuất hiện của thiên sứ thứ ba, các lễ thật nền tảng của đền thờ thuộc phái Miller đã được thiết lập.

Năm 1798, lời tiên tri 2.520 năm khởi đầu vào năm 723 TCN với sự tản lạc của mười chi phái miền bắc đã được ứng nghiệm. Lời tiên tri ấy chỉ ra hai giai đoạn 1.260 năm, đánh dấu việc đền thờ theo

nghĩa đen và Giê-ru-sa-lem theo nghĩa đen bị La Mã ngoại giáo theo nghĩa đen giày xéo, sau đó là 1.260 năm La Mã giáo hoàng giày xéo thành và đền thờ thuộc linh. Lời tiên tri bắt đầu với sự hủy diệt của vương quốc miền bắc và sự tàn lạc của dân của vương quốc. Vào giữa lộ trình của lời tiên tri, năm 538 đánh dấu sự chấm dứt việc La Mã ngoại giáo—vương quốc thứ tư trong lời tiên tri Kinh Thánh—giày xéo dân của Đức Chúa Trời, và dẫn đến sự tàn lạc của Hội Thánh của Đức Chúa Trời vào đồng vắng của Thời Kỳ Tăm Tối. Sự kết thúc của lời tiên tri thời kỳ ấy vào năm 1798 đánh dấu sự chấm dứt của vương quốc thứ năm trong lời tiên tri Kinh Thánh. Sự tàn lạc của mười chi phái miền bắc, và của Hội Thánh Cơ Đốc chạy trốn vào đồng vắng, tượng trưng cho sự nhóm lại của những người được định trở nên sùng của phong trào Tin Lành. Các dấu mốc thường được thể hiện bằng những điều đối nghịch, và một sự tàn lạc có thể tượng trưng cho một sự nhóm lại, cũng như Ê-li tượng trưng cho Giăng Báp-tít. Trong cùng cuộc đối đầu mang tính tiên tri ấy, Ê-li không chết, còn Giăng Báp-tít thì chết.

Vào năm 677 trước Công nguyên, chi phái Giu-đa ở miền nam (cũng được gọi là đất vinh hiển trong Kinh Thánh) đã bị tàn lạc suốt hai nghìn năm trăm hai mươi năm, kết thúc vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Lời tiên tri đó xác định sự chà đạp dân sự của Đức Chúa Trời, mà Đa-ni-ên gọi là “đạo binh” trong Đa-ni-ên 8:13, 14.

Bấy giờ tôi nghe một vị thánh nói, và một vị thánh khác nói với vị thánh đang nói: Bao lâu nữa thì khải tượng về của lễ hằng ngày và sự vi phạm gây nên cảnh hoang tàn sẽ còn kéo dài, để cả đền thánh và đạo binh đều bị giày đạp? Người nói với tôi: Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ đền thánh sẽ được thanh tẩy. Đa-ni-ên 8:13, 14.

Lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm, vốn kết thúc cùng thời điểm với lời tiên tri hai nghìn năm trăm hai mươi năm bắt đầu vào năm 677 TCN, đã xác định việc nơi thánh bị giày đạp, như được nêu trong Đa-ni-ên 8:13, 14. Trước lời tiên tri về sự tàn lạc của Giu-đa vào năm 677 TCN là ba cuộc tấn công của Nê-bu-cát-nét-sa, và lời tiên tri ấy kết thúc khi sứ điệp thứ ba đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Hai lời tiên tri 2.520 năm, kết thúc lần lượt vào các năm 1798 và 1844, chỉ ra thời kỳ bốn mươi sáu năm xây dựng nền móng đền thờ của phong trào Millerite. Môi-se đã mất bốn mươi sáu ngày để nhận chỉ dẫn về việc xây dựng đền thờ. Việc trùng tu Đền thờ của Hêrôđê vào thời Đấng Christ kéo dài bốn mươi sáu năm, và kết thúc vào năm Đấng Christ chịu báp-tem. Sau lễ báp-tem, Ngài vào hoang mạc bốn mươi ngày, và khi trở lại, Ngài thanh tẩy đền thờ lần thứ nhất, còn những người Do Thái hay bắt bẻ muốn biết Ngài dựa vào thẩm quyền nào để làm điều như vậy.

Lễ Vượt Qua của người Do Thái gần đến, Đức Chúa Giê-su lên thành Giê-ru-sa-lem, và thấy trong đền thờ có những người bán bò, chiên và bồ câu, cùng những người đổi tiền đang ngồi. Ngài bện mấy sợi dây nhỏ làm roi, đuổi tất cả ra khỏi đền thờ, cả chiên lẫn bò; đổ tung tiền của những người đổi tiền và lật đổ các bàn. Ngài nói với những kẻ bán bò câu: Hãy mang những thứ này ra khỏi đây; đừng biến nhà Cha ta thành nơi buôn bán. Các môn đồ của Ngài nhớ lại rằng có chép: “Lòng nhiệt thành vì nhà Chúa thiêu đốt tôi.” Bấy giờ người Do Thái nói với Ngài: Ông sẽ cho chúng tôi thấy dấu lạ nào để chứng tỏ ông làm những điều này? Đức Chúa Giê-su đáp: Hãy phá đền thờ này, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại. Người Do Thái nói: Đền thờ này xây mất bốn mươi sáu năm, mà ông sẽ dựng lại trong ba ngày sao? Nhưng Ngài nói về đền

thờ là thân thể của Ngài. Vì vậy, khi Ngài từ kẻ chết sống lại, các môn đồ nhớ lại rằng Ngài đã nói điều ấy với họ; và họ tin Kinh Thánh cùng lời Đức Chúa Giê-su đã phán. Giảng 2:13-22.

Đền thờ của phái Millerite được dựng nên trong bốn mươi sáu năm kể từ năm 1798, vào lúc kết thúc lời tiên tri 2.520 năm thứ nhất, và kết thúc bốn mươi sáu năm sau, khi lời tiên tri 2.520 năm thứ hai được ứng nghiệm vào năm 1844. Bốn mươi sáu năm ấy bắt đầu với sự xuất hiện của thiên sứ thứ nhất và kết thúc với sự xuất hiện của thiên sứ thứ ba, vì Đấng Christ đã phán rằng đền thờ của Ngài sẽ được dựng lại trong ba ngày. Nếu bạn không muốn thấy những sự thật này thì đó là vì hai vấn đề chủ yếu, ngoài những vấn đề có thể tồn tại trong một tâm lòng không sẵn lòng và chưa hoán cải. Vấn đề thứ nhất là bạn không sẵn lòng tiếp cận Lời tiên tri từ quan điểm rằng lịch sử lặp lại. Bạn không phải là người theo trường phái lịch sử. Vấn đề còn lại là không thể áp dụng các lời mang tính biểu tượng đã được ghi chép trong Lời Đức Chúa Trời bởi chính Lời Đức Chúa Trời. Khởi đầu của tất cả những lời tiên tri này chỉ ra phân kết, và chúng luôn chỉ ra nhiều hơn là chỉ sự lặp lại của lịch sử.

Kinh Thánh nói rằng chúng ta là đền thờ của Chúa Thánh Thần và đền thờ là thân thể được cấu tạo bởi bốn mươi sáu nhiễm sắc thể. Các nhà khoa học nghiên cứu bốn mươi sáu nhiễm sắc thể đó cho chúng ta biết rằng hai mươi ba nhiễm sắc thể nam và hai mươi ba nhiễm sắc thể nữ được quấn quanh một loại protein có hình dạng cây thánh giá.

Trong sách Đa-ni-ên đoạn mười hai có ba lời tiên tri về thời kỳ có liên hệ với nhau; lời thứ nhất đề cập đến việc làm tan tác quyền lực của dân thánh, điều này tượng trưng cho “bảy lần” trong Lê-vi Ký hai mươi sáu. Sự làm tan tác quyền lực của dân thánh đã được ứng nghiệm nơi họ là 2.520 năm, nhưng trong Đa-ni-ên đoạn mười hai chỉ đề cập đến nửa sau của thời kỳ đó. Điều này cho thấy Đa-ni-ên không hiểu ý nghĩa của lời tuyên bố ấy.

Và tôi nghe người đàn ông mặc vải lanh, đang đứng trên mặt nước sông; ông giơ tay phải và tay trái lên trời, và thề bởi Đấng hằng sống đời đời rằng điều ấy sẽ là một thời kỳ, những thời kỳ, và nửa thời kỳ; và khi việc làm tan tác quyền lực của dân thánh được hoàn tất, thì mọi điều này sẽ chấm dứt. Tôi đã nghe, nhưng không hiểu; bấy giờ tôi nói: Ôi Chúa của con, kết cuộc của những điều này sẽ như thế nào? Daniel 12:7, 8.

Đa-ni-ên đoạn mười hai minh họa sứ điệp được mở ấn vào thời kỳ cuối cùng, tức năm 1798. Trong đoạn này, Đa-ni-ên đại diện cho William Miller, biểu tượng chính của những người khôn ngoan trong thời kỳ lịch sử ấy. Miller trước hết được dẫn dắt đến lời tiên tri hai nghìn năm trăm hai mươi năm trong Lê-vi Ký đoạn 26, và trong các câu 7 và 8 Đa-ni-ên đại diện cho những người khôn ngoan, là những người phải dung hòa với lẽ thật rằng thời kỳ tản lạc hai nghìn năm trăm hai mươi năm rõ ràng được xác định là việc Đức Chúa Trời làm cho dân Ngài tản lạc.

Dẫu vậy, nếu các ngươi vẫn không chịu nghe theo Ta, thì Ta sẽ trừng phạt các ngươi gấp bảy lần vì tội lỗi các ngươi. Ta sẽ bẻ gãy sự kiêu căng của quyền thế các ngươi; Ta sẽ làm trời của các ngươi như sắt, và đất của các ngươi như đồng. Lê-vi Ký 26:18, 19.

“Sự ‘kiêu ngạo’ của Israel cổ đại là khi họ được phép từ chối Đức Chúa Trời làm vua của mình và chọn một vị vua loài người. Sự kiêu ngạo của họ, thứ ngăn chặn sự sa ngã (Châm ngôn 16:18), là ước muốn được giống như tất cả các vương quốc thờ hình tượng xung quanh họ. Việc trước hết

loại bỏ vương quốc phương bắc rồi đến vương quốc phương nam chính là sự phân tán quyền lực (vua) vào các năm 723 TCN và 677 TCN tương ứng.”

Miller đại diện cho những người khôn ngoan, những người hiểu sự gia tăng thông biết đã được mở ấn trong các câu trước của Đa-ni-ên đoạn mười hai, và trong các câu bảy và tám, ông được mô tả là không hiểu mối liên hệ giữa 1.260 năm với 2.520 năm của sự tàn lạc dân Đức Chúa Trời. Đa-ni-ên đại diện cho dân Đức Chúa Trời vào cuối thời kỳ Cơ Đốc Phục Lâm, cũng như Miller đại diện cho họ vào buổi đầu của Cơ Đốc Phục Lâm. Ở cuối thời kỳ Cơ Đốc Phục Lâm, nan đề tương tự vẫn tồn tại, vì khi Cơ Đốc Phục Lâm gạt bỏ sự hiểu biết của Miller về "bảy thời", họ buộc phải chỉ coi 1.260 năm là Thời kỳ Tăm Tối. Những người khôn ngoan ở thời cuối cũng có một vấn đề tương tự cần giải quyết như Đa-ni-ên và Miller minh họa. Tại sao thuật ngữ của Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu lại được dùng để minh họa ba thời rưỡi thay vì bảy thời?

Miller chưa bao giờ giải quyết trọn vẹn nan đề này, nhưng vào năm 1856, “ánh sáng tiên tri mới” cuối cùng đã được trình bày trong một loạt sáu bài viết chưa bao giờ được hoàn tất, trong đó “bảy lần” được xác định là tượng trưng cho ba năm rưỡi La Mã ngoại giáo chà đạp Israel thuộc thế của Đức Chúa Trời, tiếp theo là ba năm rưỡi La Mã giáo hoàng chà đạp Israel thuộc linh. Bảy năm sau, Phục Lâm thẳng thừng bác bỏ toàn bộ ánh sáng về “bảy lần,” chuẩn bị nan đề ấy cho những người khôn ngoan vào thời kỳ cuối cùng, năm 1989, khi, như được mô tả trong Đa-ni-ên mười một, câu bốn mươi, các quốc gia đại diện cho Liên Xô cũ đã bị chế độ giáo hoàng và Hoa Kỳ quét sạch.

Ánh sáng đầu tiên ban cho Miller đã bị bác bỏ vào năm 1863, và ánh sáng sau cùng về chủ đề này được Hiram Edson trình bày trong sáu bài viết đó. Những bài viết ấy bị ngừng lại, và bảy năm (bảy lần) sau, quyền lực của Israel hiện đại bị gạt sang một bên để bắt chước các giáo hội thờ hình tượng, là những hội thánh vài năm trước đó đã được xác định đúng là các con gái của Babylon. “Bảy lần” của Lê-vi Ký chương hai mươi sáu, với tư cách là một giáo lý tiên tri, đã trở thành hòn đá vấp phạm, và sự kiêu ngạo của Israel xưa—được thể hiện qua mong muốn để Sa-lơ cai trị họ làm vua—đã lặp lại. Chúa Giê-su thể hiện sự kết thúc qua sự khởi đầu.

Sách Đa-ni-ên cũng chỉ ra một lời tiên tri 1.290 năm cùng với một lời tiên tri 1.335 năm, cả hai đều bắt đầu từ việc dẹp bỏ “the daily” vào năm 508. Việc dẹp bỏ “the daily” tượng trưng cho việc loại bỏ sự kháng cự của La Mã ngoại giáo đối với sự trỗi dậy của quyền lực giáo hoàng vào năm 538. Đã có một giai đoạn chuyển tiếp kéo dài 30 năm trước khi quyền lực giáo hoàng được đặt lên ngai của thế gian vào năm 538; sau đó 1.260 năm còn lại kết thúc vào năm 1798. Ba mươi năm chuyển tiếp từ vương quốc này sang vương quốc kế tiếp xác định những năm cuối cùng của sự thống trị của giáo hoàng, dẫn đến việc vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh được đặt lên ngai của thế gian vào năm 1798. Khởi đầu của lời tiên tri 1.290 năm chỉ ra một sự chuyển tiếp từ một vương quốc trong lời tiên tri Kinh Thánh sang vương quốc kế tiếp trong lời tiên tri Kinh Thánh, và phần kết của lời tiên tri đó cũng như vậy.

Lời tiên tri một nghìn ba trăm ba mươi lăm năm, bắt đầu từ việc loại bỏ "the daily" vào năm 508, kết thúc vào năm 1843.

Và từ lúc của lễ hằng ngày bị dẹp bỏ, và sự góm ghiếc gây nên hoang tàn được dựng lên, thì sẽ có một nghìn hai trăm chín mươi ngày. Phước thay cho ai chờ đợi và đạt đến một nghìn ba

trăm ba mươi lăm ngày. Đa-ni-ên 12:11, 12.

Lời tiên tri về một nghìn ba trăm ba mươi lăm năm kết thúc vào năm 1843, và Daniel nói rằng những ai “chờ đợi” cho đến khi lời tiên tri ấy được ứng nghiệm sẽ được phước. Bà White nói như thế này.

Phúc thay cho đôi mắt đã thấy những điều đã được thấy vào những năm 1843 và 1844.

“Sứ điệp đã được ban ra. Và không được chậm trễ trong việc nhắc lại sứ điệp, vì các dấu chỉ của thời cuộc đang ứng nghiệm; công cuộc kết thúc phải được hoàn tất. Một công việc lớn sẽ được thực hiện trong một thời gian ngắn. Một sứ điệp sẽ sớm được ban theo sự chỉ định của Đức Chúa Trời và sẽ dâng lên thành tiếng kêu lớn. Bấy giờ Đa-ni-ên sẽ đứng nơi phần của mình để làm chứng.” Bản Thảo Được Công Bố, tập 21, trang 437.

Do đó, khởi đầu của lời tiên tri kéo dài một nghìn ba trăm ba mươi lăm năm xác định một sự chuyển đổi từ ngoại giáo sang giáo quyền La Mã, qua đó xác định một sự chuyển đổi từ Tin Lành sang Tin Lành Millerite.

Những người Cơ Đốc Phục Lâm bác bỏ các chân lý nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm thì cũng bác bỏ tất cả các lời tiên tri về thời gian mà những người theo Miller đã trình bày, thậm chí cả khoảng thời gian hai nghìn ba trăm năm trong Đa-ni-ên 8:14. Rất có thể họ sẽ phủ nhận thực tế này, nhưng có thể chứng minh một cách hợp lý rằng điều đó là sự thật; tuy nhiên, hiện giờ điều tôi muốn trình bày lại khác, nên tôi sẽ tạm gác điều ấy để chúng ta cố gắng đưa bài viết này đến phần kết luận.

Việc tản lạc của "đất vinh hiển" Giu-đa vào năm 677 TCN tượng trưng cho sự chà đạp "đạo quân" trong Đa-ni-ên 8:13, 14, và chỉ đến việc thành lập đất vinh hiển hiện đại, tức là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Hai nghìn ba trăm năm của cùng những câu ấy bắt đầu vào năm 457 TCN, và tượng trưng cho sự chà đạp "nơi thánh."

Bấy giờ tôi nghe một vị thánh nói, và một vị thánh khác nói với vị thánh đang nói: Bao lâu nữa thì khái tượng về của lễ hằng ngày và sự vi phạm gây nên cảnh hoang tàn sẽ còn kéo dài, để cả đền thánh và đạo binh đều bị giày đạp? Người nói với tôi: Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ đền thánh sẽ được thanh tẩy. Đa-ni-ên 8:13, 14.

677 TCN và 457 TCN là những mốc thời gian có liên hệ với nhau qua mối quan hệ giữa dân của Đức Chúa Trời và đền thánh của Ngài. Đức Chúa Trời đã đưa cả đạo binh lẫn đền thánh trở lại với nhau cùng một lúc vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Hai trăm hai mươi năm giữa 677 TCN và 457 TCN tượng trưng cho một giai đoạn khi Đức Chúa Trời thiết lập một mốc chỉ đường biểu thị sự gia tăng ánh sáng. Vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, ánh sáng của thiên sứ thứ ba đã đến, ánh sáng của đền thánh bắt đầu chiếu soi, và có một đạo binh ở đó để rao truyền ánh sáng.

Trong tuyên tiên tri xác định cuộc chiến ba phương diện mà Sa-tan và Đấng Christ đã tham gia, bản Kinh Thánh King James năm 1611 đã ra đời. Chính xác hai trăm hai mươi năm sau, vào năm 1831, William Miller lần đầu tiên công bố sứ điệp của mình:

Trong chín năm, William Miller tin chắc rằng ông cần phải trình bày sứ điệp của mình cho các hội thánh; nhưng ông chờ đợi, hy vọng rằng một vị có thẩm quyền được công nhận nào đó sẽ

công bố tin mừng về một Cứu Chúa sắp đến. Bằng cách chờ đợi như vậy, ông chỉ càng chứng minh tính chân thật của sứ điệp; họ có tiếng là sống, nhưng đang chết dần. Năm 1831, Miller đã trình bày bài giảng đầu tiên của mình về các lời tiên tri. Steven Haskell, *The Seer of Patmos*, 77.

Đức Chúa Trời đã gìn giữ các bản văn gốc thánh khiết và chân xác được dùng để biên soạn nên Kinh Thánh. Sau đó, Ngài đã cho xuất bản Kinh Thánh của Ngài vào năm 1611. Rồi Ngài dấy lên một sứ giả, người sẽ vận dụng các quy tắc được tìm thấy, rút ra và xác lập trong Kinh Thánh để trình bày sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Vào năm 1831, sứ điệp của Miller đã được chính thức hóa, như sứ điệp trong lịch sử của Đấng Christ đã được Giảng Báp-tít chính thức hóa, và như sứ điệp đã được chính thức hóa trong mọi phong trào cải cách. Sứ điệp của Miller—tức sứ điệp của thiên sứ thứ nhất công bố sự mở ra của cuộc phán xét—được xác chứng trực tiếp bởi việc áp dụng thời kỳ tiên tri hai trăm hai mươi năm. Đó là sứ điệp cảnh báo vào lúc khởi đầu của vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh—Hoa Kỳ.

Năm 1996, Mục vụ Future for America bắt đầu, và sứ điệp của thiên sứ thứ ba đã được khai mở vào năm 1989—sứ điệp xác định sự chữa lành vết thương chí tử của chế độ giáo hoàng và luật ngày Chủ nhật sắp đến—đã được công bố trong một tạp chí mang tựa Thời Kỳ Cuối Cùng. Sứ điệp ở giai đoạn cuối của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã được hệ thống hóa, cũng như sứ điệp ở buổi đầu đã được hệ thống hóa. Ngay từ ban đầu, sứ điệp gắn liền với các mốc thời gian và thể hiện một bước phát triển sâu hơn của các lẽ thật chứa trong Lời của Đức Chúa Trời. Năm 1996, hai trăm hai mươi năm sau khi Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ ra đời vào năm 1776, sứ điệp ở giai đoạn cuối của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã được hệ thống hóa và thể hiện một bước phát triển tiếp theo của các sứ điệp của ba thiên sứ.

Khi chúng ta bàn đến lịch sử song song của sùng Cộng hòa và sùng Tin Lành trong lịch sử của vương quốc thứ sáu theo lời tiên tri của Kinh Thánh, cần phải hiểu rõ sùng Tin Lành là ai và không phải là ai.

Hãy chuyên tâm để cho thấy mình được chấp thuận trước mặt Đức Chúa Trời, như người làm công không phải hổ thẹn, trình bày đúng đắn lời của lẽ thật. Nhưng hãy tránh những lời nói phạm tục và vô ích, vì chúng sẽ càng làm gia tăng sự vô đạo. 2 Ti-mô-thê 2:15–16.